

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 470/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Hạnh T, sinh năm 1994; *nơi cư trú:* Tổ 2, thôn 4, xã A, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình T1, sinh năm 1990; *nơi cư trú:* Tổ 2, thôn 4, xã A, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/12/2020), vắng mặt anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2020, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên

đơn chị Cao Thị Hạnh T trình bày: Chị và anh Trần Đình T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 thường hay uống rượu bên ngoài về kiêu có, gây gổ, chửi bới và đánh đập chị. Ngoài ra, anh T1 không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường hay chơi bài bạc bên ngoài và thiếu nợ. Mâu thuẫn xảy ra chị có nhờ hai bên gia đình can thiệp, hòa giải nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Do chung sống không có hạnh phúc nên chị và anh T1 đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đình Bảo C, sinh ngày 08/02/2012. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung hiện nay đang ở cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Năm 2011, chị Cao Thị Hạnh T kết hôn với anh Trần Đình T1, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy chị T không

còn tình cảm với anh T1, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đình Bảo C, sinh ngày 08/02/2012. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Bảo C có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện tại do chị T đang nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao cháu Bảo C cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn chị Cao Thị Hạnh T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Đình T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/2011 cấp ngày 28/9/2011 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Cao Thị Hạnh T và anh Trần Đình T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T1 không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, tuy nhiên căn cứ vào biên bản xác minh lập ngày 26/11/2020, đã thể hiện: Anh T1 đã nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn do chị T gửi qua đường bưu điện và đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Vợ chồng anh T1 và chị T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị theo như lời khai của chị T là có cơ sở và thực tế. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để cho vợ chồng anh chị được đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau, tuy nhiên anh T1 vẫn không đến Tòa án để làm việc. Điều này chứng tỏ anh T1 cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Trần Đình Bảo C, sinh ngày 08/02/2012. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào điều kiện của mỗi bên, cũng như quyền lợi về mọi mặt của con. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, nhận thấy chị T là người có phẩm chất đạo đức tốt, hơn nữa cháu Bảo C có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Bảo C cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp thực tế và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Cháu Bảo C hiện đang sống chung cùng chị T.

Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải xem xét trong bản án này. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Cao Thị Hạnh T ly hôn anh Trần Đình T1.

2/ Về con chung: Giao cho chị Cao Thị Hạnh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Đình Bảo C, sinh ngày 08/02/2012. Anh Trần Đình T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu Bảo C hiện đang sống chung cùng chị T.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Cao Thị Hạnh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004062 ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/02/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- UBND xã A, Đ, Bình Thuận,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận